

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2024/HS-ST**
Ngày 06/03/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hà Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Đàm Chuyên - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: PHẠM THỊ HẢI YẾN; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 07 tháng 01 năm 1984 tại tỉnh P; Nơi thường trú và nơi ở: **Khu E, xã P, huyện P, tỉnh P;** Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 025184011548; cấp ngày 05 tháng 07 năm 2021; Nơi cấp: **Cục C2** về TTXH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 05/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: **Phạm Quang K,** sinh năm 1954; Mẹ đẻ: **Phạm Thị Đ,** sinh năm 1960; Bố mẹ bị cáo hiện cư trú tại **khu I, xã T, huyện P, tỉnh P;** Anh, chị em ruột: Có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai; Chồng: **Dương Đình C,** sinh năm 1981; Con: có 02 con. Con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2006; Chồng, con nhỏ bị cáo hiện cư trú tại **khu E, xã P, huyện P, tỉnh P.**

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 27/01/2024 đến ngày 30/01/2024 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/01/2024 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: HÁN ĐỨC BIÊN; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 04 tháng 6 năm 1988 tại tỉnh Lào Cai; Nơi thường trú và nơi ở: **Khu B, xã P, huyện P, tỉnh P;** Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 025088011366; Cấp ngày 28 tháng 06 năm 2021; Nơi cấp: **Cục C2** về TTXH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Bố đẻ: **Hán Văn L**, sinh năm 1954; Mẹ đẻ: **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1956; Bố mẹ bị cáo hiện cư trú tại **khu B, xã P, huyện P, tỉnh P; A**, chị em ruột: Có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 27/01/2024 đến ngày 30/01/2024 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/01/2024 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **DƯƠNG CÔNG MINH**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 15 tháng 12 năm 1990 tại tỉnh P; Nơi thường trú và nơi ở: **Khu E, xã P, huyện P, tỉnh P**; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 02509017546; Cấp ngày 05 tháng 7 năm 2021; Nơi cấp: **Cục C2** về TTXH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: **Dương Đình Q**; sinh năm 1961; Mẹ đẻ: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1961; Bố mẹ bị cáo hiện cư trú tại **khu E, xã P, huyện P, tỉnh P; A**, chị em ruột: Có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 27/01/2024 đến ngày 30/01/2024 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/01/2024 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: **ĐỖ THỊ B**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 15 tháng 03 năm 1980 tại tỉnh P; Nơi thường trú và nơi ở: **Khu E, xã P, huyện P, tỉnh P**; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 025180019717; Cấp ngày 04 tháng 01 năm 2024; Nơi cấp: **Cục C2** về TTXH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 03/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: **Đỗ Tất T1**, sinh năm 1954 (Đã chết); Mẹ đẻ: **Hán Thị L1**, sinh năm 1954; Mẹ bị cáo hiện cư trú tại **khu C, xã P, huyện P, tỉnh P; A**, chị em ruột: Có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; Chồng: **Dương Đình C1**, sinh năm 1953; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007; Chồng, con bị cáo cư trú tại **khu E, xã P, huyện P, tỉnh P**;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 27/01/2024 đến ngày 30/01/2024 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/01/2024 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Khoảng 19 giờ 00 ngày 27/01/2024, **Phạm Thị Hải Y**, sinh năm 1984, thường trú tại **khu E, xã P, huyện P, tỉnh P** đang ở nhà thì **Đỗ Thị B1**, sinh năm 1980, ở cùng khu đến chơi. Khoảng 30 phút sau **Dương Công M**, sinh năm 1990, ở cùng khu và

Hán Đức B2, sinh năm 1988, thường trú tại khu B, xã P, huyện P, tỉnh P đến nhà Y chơi. Y, B1, M và B2 ngồi uống nước một lúc rồi cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức chơi Liêng được thua bằng tiền. B2 đi mua một bộ bài tú lơ khơ 52 quân rồi mang về nhà Y để đánh bạc. Bốn người ngồi trên chiếc chiếu nhựa màu xanh được trải sẵn tại gian bếp nhà Y đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Dương Đình N, sinh năm 2007 (là con trai của Đỗ Thị B1) đến nhà Y để gọi B1 về nhà. B1 chưa về, nên N ngồi cạnh B1 chờ và xem mọi người đánh bạc. Đến khoảng 20 giờ 40 phút cùng ngày thì tổ công tác Công an huyện P phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng tại chiếu bạc gồm: số tiền 5.110.000đ; 52 quân bài tú lơ khơ; 01 chiếc chiếu nhựa. Thu giữ trên người Phạm Thị Hải Y số tiền 300.000đ. Thu giữ trên người Dương Công M số tiền 550.000đ.

Về cách thức đánh bạc, những người chơi thống nhất như sau: Trước khi bắt đầu ván chơi mỗi người chơi đặt một số tiền cược quy định là 10.000đ gọi là tiền gà. Mỗi người chơi sẽ được chia 03 quân bài. Người chơi sẽ tiến hành đánh lần lượt theo chiều ngược chiều kim đồng hồ, người chơi đầu tiên là chủ bàn chơi hoặc người đã thắng ván trước đó. Trong mỗi ván người chơi có thể tố (thêm tiền vào tiền gà), theo hoặc bỏ bài. Nếu muốn tố thêm, người chơi có thể lựa chọn mức tiền từ 10.000đ đến 50.000đ. Khi thấy bài của mình có điểm nhỏ người chơi có thể úp bài để bỏ ván chơi hiện tại. Người úp bài sẽ mất số tiền đã cược trong những lượt chơi trước. Khi thấy bài của mình có điểm cao thì người chơi có thể theo để tiếp tục ván chơi, nếu như có người tố trước đó thì sẽ phải bỏ thêm tiền vào tiền gà bằng với tiền người trước đã tố. Ván chơi sẽ kết thúc khi không có ai tố thêm nữa. Bài ai nhiều điểm nhất sẽ thắng và được hưởng số tiền gà và tiền tố mà các người chơi đã bỏ ra. Ngoài tính điểm người chơi còn so thắng thua nếu bài ai có L2 (có ba quân bài liên tiếp nhau ví dụ: 2, 3, 4 hoặc 7, 8, 9...), S (có ba quân bài giống nhau ví dụ: 4, 4, 4 hoặc 7, 7, 7...), Ảnh (có ba quân bài đều là đầu người ví dụ: J, Q, K hoặc Q, Q, K...). Nếu trong ván có nhiều người cùng có Sáp sẽ so sánh giá trị quân bài theo thứ tự $2 < 3 < \dots < K < A$ (Bộ S1 sẽ là bộ to nhất). Nếu trong ván có nhiều người cùng có Liêng thì cũng so sánh giá trị quân bài lớn nhất như sáp. (Bộ A, 2, 3 là bộ nhỏ nhất; Bộ Q1, K, A là bộ lớn nhất). Hai bộ L2 có cùng giá trị coi như bằng nhau (không so sánh chất). Nếu trong ván có nhiều người cùng có Ảnh thì có giá trị bằng nhau. Nếu không phải các bộ đặc biệt trên, người chơi sẽ cộng giá trị các quân trong bài để tính điểm. (A: 1 điểm; 10, J, Q, K tính là 0 điểm). Điểm của bài chỉ tính hàng đơn vị trong trường hợp điểm lớn hơn 9. Bài sẽ so sánh như sau: Sáp > Liêng > Ảnh > 9 > 8 > ... > 0.

Về số tiền tham gia đánh bạc:

- Phạm Thị Hải Y khai khi đánh bạc có khoảng 910.000đ, Y để dưới chiếu khoảng 610.000đ để đánh bạc. Còn lại 300.000đ Y đúc ở túi quần phía trước bên phải, nếu thua hết số tiền đã bỏ ra Y sẽ lấy nốt số tiền này để tiếp tục đánh bạc. Y đánh bạc nhiều ván, có ván thắng, ván thua. Đến khi bị Cơ quan Công an phát hiện, Y không xác định đang thắng hay thua bạc. Y không thu tiền “hồ” của ai.

- Dương Công M khai mang theo khoảng 2.950.000đ và để dưới chiếu khoảng 2.400.000đ để đánh bạc. Còn lại 550.000đ Minh đúc ở túi quần phía sau bên phải, nếu thua hết số tiền đã bỏ ra M sẽ lấy nốt số tiền này để tiếp tục đánh bạc. M đánh

bạc nhiều ván, có ván thắng, ván thua. Đến khi bị Cơ quan Công an phát hiện, **M** không xác định được đang thắng hay thua bạc. **M** không phải nộp tiền “hồ” cho ai.

- **Hán Đức B2** khai mang theo khoảng 1.100.000đ. **B2** để toàn bộ số tiền này ở dưới chiếu để đánh bạc. **B2** đánh bạc nhiều ván, có ván thắng, ván thua. Đến khi bị Cơ quan Công an phát hiện, **B2** không xác định được đang thắng hay thua bạc. **B2** không phải nộp tiền “hồ” cho ai.

- **Đỗ Thị B1** khai mang theo khoảng 1.000.000đ. **B1** để toàn bộ số tiền này ở dưới chiếu để đánh bạc. **B1** đánh bạc liên tục nhiều ván. Đến khi bị Cơ quan Công an phát hiện, **B1** đang thua bạc. **B1** không phải nộp tiền “hồ” cho ai.

Như vậy, tổng số tiền **Phạm Thị Hải Y**, **Hán Đức B2**, **Dương Công M** và **Đỗ Thị B1** sử dụng để đánh bạc ngày 27/01/2024 là 5.960.000đ.

Quá trình điều tra, xử lý các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung trên. Lời khai các bị cáo phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, hình thức, cách thức, số tiền tham gia đánh bạc, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

* Xác minh về tài sản, thu nhập của các bị cáo: Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh P xác định trước khi bị bắt các bị cáo **Hán Đức B2**, **Dương Công M**, **Phạm Thị Hải Y**, **Đỗ Thị B1** làm lao động tự do, thu nhập không ổn định. Thu nhập bình quân của một lao động tự do trên địa bàn xã P, huyện P là 56.000.000đ/ 01 người/ 01 năm.

- Bị cáo **Hán Đức B2**, **Dương Công M** đều sinh sống cùng bố mẹ đẻ, các bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị.

- Bị cáo **Phạm Thị Hải Y** hiện đang sinh sống cùng chồng tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 17; diện tích 300,4m² thuộc khu E, xã P, huyện P, tỉnh P. Ngoài ra, bị cáo còn đứng tên các thửa đất số 349-1, tờ bản đồ số 15, diện tích 143 m²; thửa đất số 173, tờ bản đồ số 17, diện tích 327,1 m²; thửa đất số 475, tờ bản đồ số 17, diện tích 623,9 m² đều ở xã P, huyện P, tỉnh P.

- Bị cáo **Đỗ Thị B1** hiện đang sinh sống cùng chồng tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 17; diện tích 1.440,1m² thuộc khu E, xã P, huyện P, tỉnh P. Ngoài ra, bị cáo còn đứng tên các thửa đất nông nghiệp gồm thửa đất số 27-4, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.222 m²; thửa đất số 11, tờ bản đồ số 10, diện tích 98,1 m²; thửa đất số 291, tờ bản đồ số 11, diện tích 874 m²; thửa đất số 349-2, tờ bản đồ số 15, diện tích 135,6 m²; thửa đất số 268, tờ bản đồ số 17, diện tích 300,8 m²; thửa đất số 316, tờ bản đồ số 17, diện tích 324,7 m²; thửa đất số 369, tờ bản đồ số 17, diện tích 482,5 m² đều ở xã P, huyện P, tỉnh P.

2. Về trích dẫn Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn của Viện kiểm sát:

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 12/QĐ-VKSPN ngày 22/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P đã truy tố các bị cáo **Phạm Thị Hải Y**, **Hán Đức B2**, **Dương Công M**, **Đỗ Thị B1** về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Phạm Thị Hải Y**, **Hán Đức B2**, **Dương Công M**, **Đỗ Thị B1** phạm tội “Đánh bạc”.

* Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Hán Đức B2**, **Dương Công M**.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Phạm Thị Hải Y**.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Đỗ Thị B1**;

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị Hải Y** từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/01/2024 đến ngày 30/01/2024 là 03 ngày. Quy đổi ra thành 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành từ 08 tháng 21 ngày đến 11 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo **Hán Đức B2** từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/01/2024 đến ngày 30/01/2024 là 03 ngày. Quy đổi ra thành 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành từ 08 tháng 21 ngày đến 11 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo **Dương Công M** từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/01/2024 đến ngày 30/01/2024 là 03 ngày. Quy đổi ra thành 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành từ 11 tháng 21 ngày đến 14 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Thị B1** từ 07 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/01/2024 đến ngày 30/01/2024 là 03 ngày. Quy đổi ra thành 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành từ 06 tháng 21 ngày đến 08 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo **Phạm Thị Hải Y**, **Đỗ Thị B1**, **Hán Đức B2**, **Dương Công M** tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự - **Công an huyện P**, tỉnh P nhận được Quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo **Phạm Thị Hải Y**, **Đỗ Thị B1**, **Hán Đức B2**, **Dương Công M** cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh P giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh P trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo **Phạm Thị Hải Y**, **Đỗ Thị B1**, **Hán Đức B2**, **Dương Công M**.

Buộc các bị cáo **Phạm Thị Hải Y**, **Đỗ Thị B1**, **Hán Đức B2**, **Dương Công M** phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo **Hán Đức B2**, **Dương Công M**.

Phạt bổ sung các bị cáo **Phạm Thị Hải Y** **Đỗ Thị B1**. Mỗi bị cáo số tiền từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ để nộp vào ngân sách nhà nước.

*** Về xử lý vật chứng:**

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án, gồm:

+ 52 quân bài tú lơ khơ đủ bộ “rô”, “cơ”, “tép”, “bích” từ quân “A” (át) đến quân “K” một mặt có hoa văn màu xanh;

+ 01 chiếc chiếu nhựa đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội 5.960.000đ.

*** Về án phí hình sự sơ thẩm:**

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc các bị cáo **Phạm Thị Hải Y**, **Hán Đức B2**, **Dương Công M**, **Đỗ Thị B1**. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo nói lời sau cùng:

Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra - **Công an huyện P**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện P**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo **Phạm Thị Hải Y**, **Hán Đức B2**, **Dương Công M**, **Đỗ Thị B1** thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời

khai của người làm chứng, phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và vật chứng thu giữ được. Do đó có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 20 giờ 40 phút ngày 27/01/2024, tổ công tác Công an huyện P, tỉnh P phát hiện bắt quả tang Phạm Thị Hải Y, Đỗ Thị B1, Hán Đức B2, Dương Công M đang thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi Liêng được thua bằng tiền tại nhà ở của Phạm Thị Hải Y. Thu giữ vật chứng tại chiếu bạc gồm số tiền 5.110.000đ; 52 quân bài tứ lơ khơ; 01 chiếc chiếu nhựa. Thu giữ trên người Phạm Thị Hải Y số tiền 300.000đ. Thu giữ trên người Dương Công M số tiền 550.000đ.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Phạm Thị Hải Y, Hán Đức B2, Dương Công M, Đỗ Thị B1 đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự;

Theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi qui định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội qui định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3]. Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác cũng như ảnh hưởng đến kinh tế và hạnh phúc gia đình. Xong vì mục đích vụ lợi nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần quyết định mức hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4]. Xét về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng mang tính giản đơn. Trong vụ án này, các bị cáo cùng rủ nhau và cùng trực tiếp tham gia đánh bạc, tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần phân hoá vai trò của các bị cáo, bị cáo Dương Công M là người có số tiền đánh bạc lớn hơn các bị cáo khác nhiều lần; bị cáo Phạm Thị Hải Y là chủ nhà đã sử dụng nhà mình làm nơi đánh bạc; bị cáo Hán Đức B2 là người đi mua bài tứ lơ khơ để các bị cáo đánh bạc; bị cáo Đỗ Thị B1 chỉ là người tham gia đánh bạc. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần cho bị cáo M mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo Y, B2 và bị cáo Y, B2 mức hình phạt cao hơn so với bị cáo B1 là phù hợp.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phạm Thị Hải Y, Hán Đức B2, Dương Công M, Đỗ Thị B1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo Phạm Thị Hải Y, Hán Đức B2, Dương Công M, Đỗ Thị B1 đều thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo **Đỗ Thị B1** có chồng là **Dương Đình C1** là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cùng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có nơi cư trú rõ ràng do vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội.

- Về khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo: Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự quy định người bị kết án phải bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Tuy nhiên, các bị cáo đều là lao động tự do không có thu nhập ổn định nên cần miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo nhưng buộc các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự quy định “3. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”.

Qua xác minh các bị cáo **Hán Đức B2**, **Dương Công M** không có tài sản riêng gì có giá trị nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo **B2** và **M**.

Đối với các bị cáo **Phạm Thị Hải Y**, **Đỗ Thị B1**. Các bị cáo có tài sản chung là nhà và đất với chồng do vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Đối với **Dương Đình N** có mặt tại nơi đánh bạc khi cơ quan công an phát hiện, bắt quả tang. Tuy nhiên **N** không tham gia đánh bạc mà chỉ ngồi chờ mẹ đẻ là bị cáo **B1** và xem mọi người đánh bạc. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[6]. Về vật chứng:

- Đối với số tiền 5.960.000đ cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ khi bắt các bị cáo. Qua xác minh đây là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

- Đối với 52 (Năm mươi hai) quân bài tú lơ khơ đủ bộ “rô”, “cơ”, “tép”, “bích” từ quân “A” (át) đến quân “K” một mặt có hoa văn màu xanh; 01 (Một) chiếc chiếu nhựa đã qua sử dụng thu giữ khi bắt các bị cáo. Qua xác minh đây là công cụ, phương

tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Phạm Thị Hải Y**.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Hán Đức B2, Dương Công M**.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Đỗ Thị B1**;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[1]. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo **Phạm Thị Hải Y, Hán Đức B2, Dương Công M, Đỗ Thị B1** phạm tội “Đánh bạc”.

[2]. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo **Dương Công M** 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/01/2024 đến ngày 30/01/2024 là 03 (Ba) ngày. Quy đổi ra thành 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 21 (Hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị Hải Y** 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/01/2024 đến ngày 30/01/2024 là 03 (Ba) ngày. Quy đổi ra thành 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (T) tháng 21 (Hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo **Hán Đức B2** 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/01/2024 đến ngày 30/01/2024 là 03 (Ba) ngày. Quy đổi ra thành 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (T) tháng 21 (Hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Thị B1** 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/01/2024 đến ngày 30/01/2024 là 03 (Ba) ngày. Quy đổi ra thành 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 06 (Sáu) tháng 21 (Hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo **Phạm Thị Hải Y, Đỗ Thị B1, Hán Đức B2, Dương Công M** tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự - **Công an huyện P**, tỉnh P nhận được Quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo **Phạm Thị Hải Y, Đỗ Thị B1, Hán Đức B2, Dương Công M** cho **Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh P** giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với **Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh P** trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo **Phạm Thị Hải Y, Đỗ Thị B1, Hán Đức B2, Dương Công M**.

Buộc các bị cáo **Phạm Thị Hải Y, Đỗ Thị B1, Hán Đức B2, Dương Công M** phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo **Hán Đức B2, Dương Công M**.

Phạt bổ sung bị cáo **Phạm Thị Hải Y** số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo **Đỗ Thị B1** số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

[3]. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án, gồm:

+ 52 (Năm mươi hai) quân bài tú lơ khơ đủ bộ “rô”, “cơ”, “tép”, “bích” từ quân “A” (át) đến quân “K” một mặt có hoa văn màu xanh;

+ 01 (Một) chiếc chiếu nhựa đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội 5.960.000đ (Năm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

*Các vật chứng trên được mô tả trong biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra- **Công an huyện P, tỉnh P** và Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh P lập ngày 23/02/2024.*

[4]. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Buộc các bị cáo **Phạm Thị Hải Y, Hán Đức B2, Dương Công M, Đỗ Thị B1**. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh P xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện P, tỉnh P;
- Công an huyện P, tỉnh P;
- CC THADS huyện P; tỉnh P;
- Sở Tư pháp tỉnh P;
- UBND nơi các b/c cư trú;
- Các bị cáo;
- Lưu VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hưng